TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2017/HSPT
Ngày: 11-9-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nồm – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/HSPT ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hữu N**

Sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; *nơi cư trú:* Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre; *số chứng minh nhân dân:* xxxxxxxxx; *nghề nghiệp:* Hớt tóc; *trình độ văn hóa:* 06/12; *dân tộc:* Kinh; Con ông Nguyễn Hữu T và bà Cao Thị Ngọc H; có vợ: Nguyễn Hồng L và 01 con sinh năm 2014; *tiền sự:* Không; *tiền án:* Tại bản án số: 26/2011/HSPT ngày 04/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt Nguyễn Hữu N 03 (ba) năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự, chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng (do không có điều kiện thi hành án); *bị cáo tại ngoại* (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 01-01-2017, sau khi đã uống rượu (nồng độ cồn 221miligam/100mililit máu), Nguyễn Hữu N điều khiển xe môtô biển số 71xx-xxx.xx dung tích xi lanh 124cm^3 (không có giấy phép lái xe) lưu thông trên đường huyện 14 theo hướng từ xã L đi thị trấn B (huyện B, tỉnh Bến Tre) với tốc độ khoảng

50km/h. Khi đến khu vực ấp P, xã L (huyện B, tỉnh Bến Tre), N để xe lấn sang phần đường bên trái hướng lưu thông nên đụng vào xe môtô biển số 71xx-xxx.xx do Trần Hoài T (Sinh năm 19xx, ngụ Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bến Tre) điều khiển chở theo Nguyễn Thị N2 (Sinh năm 19xx) đang lưu thông ngược chiều gây tai nạn, làm T té xuống đường và tử vong do đa chấn thương, còn N2 bị thương tích với tỷ lệ thương tật 10%.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập lúc 16 giờ 30 phút ngày 01-01-2017 xác định:

- Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng được trải nhựa rộng 3,4m, không có vạch kẻ tim đường. Khám nghiệm hiện trường theo hướng từ xã P đi thị trấn B, chọn lề trái làm lề chuẩn để đo vẽ và chọn trụ điện số 79 nằm ngoài lề đất bên trái hướng khám nghiệm cách lề chuẩn l,7m làm mốc cố định.

- Xe môtô biển số 71xx-xxx.xx sau tai nạn ngã phải trên mặt đường nhựa phía bên trái hướng khám nghiệm, đầu xe hướng đi thị trấn B và chếch vào lề trái hướng khám nghiệm, đuôi xe hướng đi xã P và chếch vào lề phải, trục bánh trước trùng lề chuẩn, trục bánh sau cách lề chuẩn 01m và cách trụ điện 12m. Trước khi ngã, xe môtô 71xx-xxx.xx để lại 01 vết cày liên tục dài 0,3m nằm bên phần đường bên trái hướng xã P đến thị trấn B và chếch vào lề trái, đầu và cuối vết cách lề chuẩn là 0,5m và 0,38m, cuối vết trùng với tay cầm lái phía bên phải của xe 71xx-xxx.xx.

- Xe môtô biển số 71B1-xxx.xx sau tai nạn ngã phải trong phần đất phía bên trái hướng khám nghiệm, đầu xe hướng đi xã P, đuôi xe hướng đi thị trấn B, trục bánh trước và sau cách lề chuẩn 0,7m và 0,2m. Trước khi ngã, xe 71xx-xxx.xx để lại 01 vết ma sát và 01 vết cày dạng đứt quãng trên mặt đường nhựa ở phần đường bên trái hướng xã P đến thị trấn B; vết ma sát màu đen hình vòng cung có kích thước 0,15m x 0,5m, đầu vết cách lề chuẩn 0,4m, cuối vết chếch vào lề trái và trùng với lề trái; vết cày dài 0,8m chếch vào lề trái, đầu vết cách lề chuẩn 0,5m, cuối vết trùng lề chuẩn, đầu vết cày cách đầu vết ma sát và cách trục bánh sau xe môtô 71xx-xxx.xx là 0,5m và 01m.

- Vết máu kích thước 0,5m x 0,6m, không rõ hình dạng nằm trên mặt đường nhựa ở phần đường phía bên trái, tâm vết máu cách lề chuẩn 0,5m, cách trục bánh sau xe 71xx-xxx.xx và xe 71xx-xxx.xx là l,6m và 0,8m.

-Vùng va chạm giữa xe môtô 71xx-xxx.xx và xe môtô 71xx-xxx.xx là vùng có nhiều đất cát lạ và nhiều mạc kim loại li ti nằm trên mặt đường nhựa bên trái hướng khám nghiệm có kích thước 0,6m x 0,6m; tâm vùng va chạm cách lề chuẩn 0,9m, cách trục bánh sau xe 71xx-xxx.xx là l,5m, cách đầu vết ma sát là 0,5m.

* Phương tiện và tài sản tạm giữ, gồm:

- 01 (một) giấy đăng ký xe số xxxxxx của xe 71xx-xxx.xx; 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, số máy xxxxxxxxxxx, số khung xxxxxxxxxxxx,

biển số 71xx-xxx.xx của Cao Thị Ngọc H (mẹ Nguyễn Hữu N) có đặc điểm: phần gương chiếu hậu bên trái gãy rơi mất; mũ ốp đầu xe bung hở khỏi vị trí ban đầu; đầu cần thắng tay bên phải có vết bào mòn kim loại kích thước 01cm x 02cm; mũ ốp đèn chiếu sáng, đèn chuyển hướng trái và phải bể, hư hỏng hoàn toàn; đèn chiếu sáng và đèn chuyển hướng phía trước bên trái gãy rơi mất; bửng chắn gió trái và phải bể rơi mất, hư hỏng hoàn toàn; ống phuộc trước cong từ trước về sau; cung chắn bùn trước gãy rơi mất một phần nhựa; mâm bánh xe bể, hư hỏng hoàn toàn; lốp bánh xe bể, xì hơi; bệ gác chân bên trái, bên phải người điều khiển bung khỏi vị trí ban đầu; mặt ngoài thanh kim loại ốp ống giảm thanh có vết thụng bào mòn kim loại kích thước 1,5cm x 03cm.

- 01 (một) giấy đăng ký xe số xxxxxx của xe 71xx-xxx.xx mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Jiulong, số loại C110, số máy xxxxxxxxxxxx, số khung 71xx-xxx.xx, biển số 71xx-xxx.xx của Lâm Mỹ H mua của Nguyễn Văn Đ có đặc điểm: gương chiếu hậu bên trái gãy rơi mất; đèn chiếu sáng, đèn chuyến hướng trái và phải bể hư hỏng hoàn toàn; mũ ốp đầu xe phía trước, đèn chiếu sáng, bửng chắn gió bể rơi mất; ống phuộc trước gãy, đứt rời khỏi xe; máy xe hư hỏng hoàn toàn; cần sang số bị cong từ trước về sau; mặt ngoài phía dưới ống giảm thanh có vết xước, bào mòn, thụng kim loại kích thước 08cm x 03cm; mặt ngoài bên phải baga sau có bám dính đất cát lạ; mũ ốp thân xe phía sau bên trái bể rơi mất; mũ ốp phía sau đèn soi biển số bể rơi mất một phần nhựa kích thước 13cm x 11cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-7-2017 bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên với quan điểm: Về thủ tục tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1,

khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu xem xét giảm hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo kết hợp chứng cứ đã được thu thập có cơ sở xác định. Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 01-01-2017, bị cáo Nguyễn Hữu N không có giấy phép lái xe lại điều khiển xe môtô biển số 71xx-xxx.xx dung tích xi lanh 124cm^3 tham gia lưu thông trên đường huyện 14 theo hướng từ xã L đi thị trấn B với vận tốc khoảng 50km/h. Khi đến khu vực ấp T, xã L (huyện B, tỉnh Bến Tre), N để xe lấn sang phần đường bên trái hướng lưu thông đụng vào xe môtô biển số 71xx-xxx.xx do Trần Hoài T điều khiển chở Nguyễn Thị N2 đang lưu thông ngược chiều gây tai nạn, làm T tử vong do đa chấn thương, còn N2 bị thương tích với tỷ lệ thương tật 10%.

[2] Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự với hai tình tiết định khung tăng nặng "*Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định*" và "*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức quy định*" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo có 01 tiền án về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên bị cáo phạm tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại T; người bị hại N2 và đại diện hợp pháp của người bị hại T có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con nhỏ, nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết

giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Hữu N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện B (1b);
- Công an huyện B (1b);
- TAND huyện B (3b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã T – huyện Đ (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh